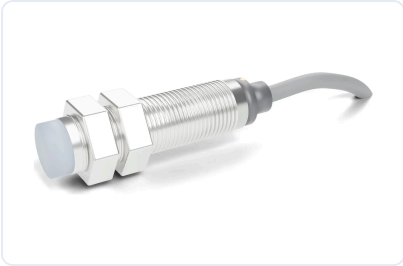


M18 非齐平电感式接近开关 8-23 mm



M18 非齐平（非屏蔽）电感式接近开关，黄铜镀镍外壳。4 种检测距离，NPN、PNP、直流两线、交流和交直流输出，2 米电缆或 M12 接头，标准或短型管长，共 302 个料号，每个料号对应一个固定配置。

检测距离 **8 / 16 / 20 / 23 mm** 工作电压 **5 V DC – 250 V AC/DC**

连接方式 **电缆 • M12** 料号数 **302**

要点

- 非齐平（也叫非屏蔽型、非埋入式）是指感应面伸出金属外壳，安装时感应头要伸出支架，周围留出无金属区；换来的是更远的检测距离：西格门 M18 非齐平型额定检测距离 8-23 mm，M18 齐平型为 5-15 mm。
- 额定检测距离：8 mm（80 个型号）、16 mm（79 个）、20 mm（72 个）、23 mm（71 个）。
- NPN / PNP 三线型 10-30、5-36 或 10-55 V DC；直流两线 10-60 V DC；交流两线 20-250 V AC；交直流 20-250 V AC/DC。
- 触点：常开、常闭，或常开 + 常闭互补输出（64 个 NPN/PNP 型号）。
- 156 个型号为 2 米电缆，146 个为 M12 接头；152 个为短型管长（K）。
- 验证样品 1-5 件，5-7 个工作日；批量按年用量排产。

族参数

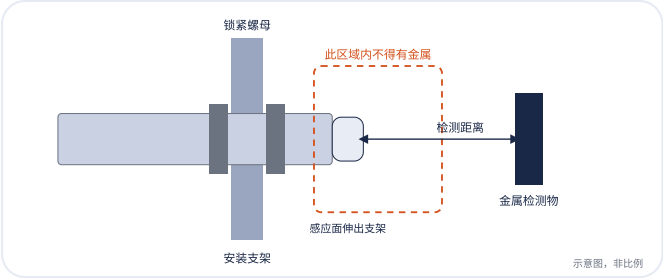
外壳	M18 螺纹，黄铜镀镍（1 个 PBT 型号）
安装方式	非齐平（非埋入式）
额定检测距离	8 / 16 / 20 / 23 mm
输出	NPN、PNP（三线；常开、常闭、常开 + 常闭）• 直流两线 • 交流两线 • 交直流（常开或常闭）
工作电压	10-30 / 5-36 / 10-55 V DC（NPN/PNP）• 10-60 V DC（两线）• 20-250 V AC • 20-250 V AC/DC
连接方式	2 米电缆或 M12 接头
管长	标准或短型（K）
其他电气参数	见各料号规格书，随报价提供

料号说明

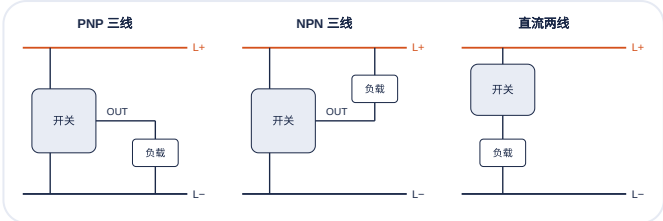
SGI-GP18U-160PA-Q4-K-V36

- | | | | |
|----------------|---|------------|---|
| SGI | 西格门电感式接近开关 | GP | 通用标准型系列 |
| 18 • U | M18 外壳 • 非齐平 | 160 | 检测距离，单位 0.1 mm：16 mm（080 / 160 / 200 / 230） |
| P • A | PNP • 常开（N = NPN，D = 直流两线，J = 交流两线，U = 交直流；B = 常闭，C = 常开 + 常闭） | Q4 | Q4 = M12 接头（C2 = 2 米电缆） |
| K • V36 | K = 短型管长；V36 = 5-36 V DC，V55 = 10-55 V DC（NPN/PNP 无电压代码 = 10-30 V DC）；3W = 交直流型三线电缆；PL = PBT 塑料外壳 | | |

安装方式



接线



全部料号

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-080NA-C2	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NA-C2-K	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NA-Q4	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NA-Q4-K	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NA-C2-V36	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NA-C2-K-V36	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NA-Q4-V36	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NA-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NA-C2-V55	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NA-C2-K-V55	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NA-Q4-V55	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NA-Q4-K-V55	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-C2	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NB-C2-K	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-Q4	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NB-Q4-K	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-C2-V36	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NB-C2-K-V36	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-Q4-V36	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NB-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-C2-V55	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NB-C2-K-V55	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NB-Q4-V55	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NB-Q4-K-V55	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NC-C2	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NC-C2-K	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NC-Q4	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NC-Q4-K	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080NC-C2-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080NC-C2-K-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-080NC-Q4-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080NC-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-C2	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PA-C2-K	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-Q4	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PA-Q4-K	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-C2-V36	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PA-C2-K-V36	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-Q4-V36	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PA-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-C2-V55	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PA-C2-K-V55	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PA-Q4-V55	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PA-Q4-K-V55	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-C2	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PB-C2-K	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-Q4	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PB-Q4-K	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-C2-V36	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PB-C2-K-V36	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-Q4-V36	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PB-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-C2-V55	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PB-C2-K-V55	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PB-Q4-V55	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PB-Q4-K-V55	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PC-C2	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PC-C2-K	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PC-Q4	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PC-Q4-K	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PC-C2-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080PC-C2-K-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080PC-Q4-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080PC-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080DA-C2	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080DA-C2-K	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080DA-Q4	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080DA-Q4-K	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080DB-C2	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-080DB-C2-K	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-080DB-Q4	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080DB-Q4-K	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080JA-C2-K	8 mm	交流两线 常开	20-250 V AC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080JB-C2-K	8 mm	交流两线 常闭	20-250 V AC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080UA-C2-3W	8 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	标准管长
SGI-GP18U-080UA-C2-K-3W	8 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080UA-Q4	8 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-080UB-C2-3W	8 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	标准管长
SGI-GP18U-080UB-C2-K-3W	8 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	短型管长 (K)
SGI-GP18U-080UB-Q4	8 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NA-C2	16 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NA-C2-K	16 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NA-Q4	16 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NA-Q4-K	16 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NA-C2-V36	16 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NA-C2-K-V36	16 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NA-Q4-V36	16 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NA-Q4-K-V36	16 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NA-C2-V55	16 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NA-C2-K-V55	16 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NA-Q4-V55	16 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NA-Q4-K-V55	16 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-C2	16 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NB-C2-K	16 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-Q4	16 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NB-Q4-K	16 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-C2-V36	16 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NB-C2-K-V36	16 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-Q4-V36	16 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NB-Q4-K-V36	16 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-C2-V55	16 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NB-C2-K-V55	16 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NB-Q4-V55	16 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NB-Q4-K-V55	16 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NC-C2	16 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NC-C2-K	16 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NC-Q4	16 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NC-Q4-K	16 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160NC-C2-V36	16 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160NC-C2-K-V36	16 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-160NC-Q4-V36	16 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160NC-Q4-K-V36	16 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-C2	16 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PA-C2-K	16 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-Q4	16 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PA-Q4-K	16 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-C2-V36	16 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PA-C2-K-V36	16 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-Q4-V36	16 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PA-Q4-K-V36	16 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-C2-V55	16 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PA-C2-K-V55	16 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PA-Q4-V55	16 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PA-Q4-K-V55	16 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-C2	16 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PB-C2-K	16 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-Q4	16 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PB-Q4-K	16 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-C2-V36	16 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PB-C2-K-V36	16 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-Q4-V36	16 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PB-Q4-K-V36	16 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-C2-V55	16 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PB-C2-K-V55	16 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PB-Q4-V55	16 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PB-Q4-K-V55	16 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PC-C2	16 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PC-C2-K	16 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PC-Q4	16 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PC-Q4-K	16 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PC-C2-V36	16 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160PC-C2-K-V36	16 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160PC-Q4-V36	16 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160PC-Q4-K-V36	16 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160DA-C2	16 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160DA-C2-K	16 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160DA-Q4	16 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160DA-Q4-K	16 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160DB-C2	16 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-160DB-C2-K	16 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-160DB-Q4-K	16 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160JA-C2-K	16 mm	交流两线 常开	20-250 V AC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160JB-C2-K	16 mm	交流两线 常闭	20-250 V AC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160UA-C2-3W	16 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	标准管长
SGI-GP18U-160UA-C2-K-3W	16 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160UA-Q4	16 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-160UB-C2-3W	16 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	标准管长
SGI-GP18U-160UB-C2-K-3W	16 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	短型管长 (K)
SGI-GP18U-160UB-Q4	16 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NA-C2	20 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NA-C2-K-PL	20 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)，PBT 外壳
SGI-GP18U-200NA-Q4	20 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NA-Q4-K	20 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NA-C2-V36	20 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NA-C2-K-V36	20 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NA-Q4-V36	20 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NA-Q4-K-V36	20 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NA-C2-V55	20 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NA-C2-K-V55	20 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NA-Q4-V55	20 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NA-Q4-K-V55	20 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-C2	20 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NB-C2-K	20 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-Q4	20 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NB-Q4-K	20 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-C2-V36	20 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NB-C2-K-V36	20 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-Q4-V36	20 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NB-Q4-K-V36	20 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-C2-V55	20 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NB-C2-K-V55	20 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NB-Q4-V55	20 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NB-Q4-K-V55	20 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NC-C2	20 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NC-C2-K	20 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NC-Q4	20 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200NC-Q4-K	20 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NC-C2-V36	20 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200NC-C2-K-V36	20 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200NC-Q4-V36	20 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-200NC-Q4-K-V36	20 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-C2	20 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PA-C2-K	20 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-Q4	20 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PA-Q4-K	20 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-C2-V36	20 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PA-C2-K-V36	20 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-Q4-V36	20 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PA-Q4-K-V36	20 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-C2-V55	20 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PA-C2-K-V55	20 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PA-Q4-V55	20 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PA-Q4-K-V55	20 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-C2	20 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PB-C2-K	20 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-Q4	20 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PB-Q4-K	20 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-C2-V36	20 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PB-C2-K-V36	20 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-Q4-V36	20 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PB-Q4-K-V36	20 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-C2-V55	20 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PB-C2-K-V55	20 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PB-Q4-V55	20 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PB-Q4-K-V55	20 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PC-C2	20 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PC-C2-K	20 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PC-Q4	20 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PC-Q4-K	20 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PC-C2-V36	20 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200PC-C2-K-V36	20 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200PC-Q4-V36	20 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200PC-Q4-K-V36	20 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200DA-C2	20 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200DA-C2-K	20 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200DA-Q4	20 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-200DA-Q4-K	20 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200DB-C2	20 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-200DB-C2-K	20 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-200DB-Q4	20 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-200DB-Q4-K	20 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-C2	23 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NA-C2-K	23 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-Q4	23 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NA-Q4-K	23 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-C2-V36	23 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NA-C2-K-V36	23 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-Q4-V36	23 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NA-Q4-K-V36	23 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-C2-V55	23 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NA-C2-K-V55	23 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NA-Q4-V55	23 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NA-Q4-K-V55	23 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-C2	23 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NB-C2-K	23 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-Q4	23 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NB-Q4-K	23 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-C2-V36	23 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NB-C2-K-V36	23 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-Q4-V36	23 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NB-Q4-K-V36	23 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-C2-V55	23 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NB-C2-K-V55	23 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NB-Q4-V55	23 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NB-Q4-K-V55	23 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NC-C2	23 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NC-C2-K	23 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NC-Q4	23 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NC-Q4-K	23 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NC-C2-V36	23 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230NC-C2-K-V36	23 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230NC-Q4-V36	23 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230NC-Q4-K-V36	23 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-C2	23 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PA-C2-K	23 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-Q4	23 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PA-Q4-K	23 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-C2-V36	23 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PA-C2-K-V36	23 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-Q4-V36	23 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳
SGI-GP18U-230PA-Q4-K-V36	23 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-C2-V55	23 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PA-C2-K-V55	23 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PA-Q4-V55	23 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PA-Q4-K-V55	23 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-C2	23 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PB-C2-K	23 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-Q4	23 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PB-Q4-K	23 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-C2-V36	23 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PB-C2-K-V36	23 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-Q4-V36	23 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PB-Q4-K-V36	23 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-C2-V55	23 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PB-C2-K-V55	23 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PB-Q4-V55	23 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PB-Q4-K-V55	23 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PC-C2	23 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PC-C2-K	23 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PC-Q4	23 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PC-Q4-K	23 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PC-C2-V36	23 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230PC-C2-K-V36	23 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230PC-Q4-V36	23 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230PC-Q4-K-V36	23 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230DA-C2	23 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230DA-C2-K	23 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230DA-Q4	23 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	标准管长
SGI-GP18U-230DA-Q4-K	23 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230DB-C2	23 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	标准管长
SGI-GP18U-230DB-C2-K	23 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	短型管长 (K)
SGI-GP18U-230DB-Q4-K	23 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	短型管长 (K)

常见问题

M18 齐平和非齐平接近开关有什么区别？

齐平型（屏蔽型）可以与周围金属平齐安装；非齐平型（非屏蔽型）感应面伸出外壳，周围要留出无金属区，但检测距离更远。按西格门型号数据，M18 齐平型额定检测距离为 5–15 mm，M18 非齐平型为 8–23 mm。

M18 非齐平接近开关有哪些检测距离？

共 4 种额定检测距离：8 mm（80 个型号）、16 mm（79 个）、20 mm（72 个）和 23 mm（71 个）。料号中外壳代码后的三位数字就是检测距离，单位 0.1 mm。

有哪些工作电压可选？

NPN、PNP 三线型有 10–30 V DC、5–36 V DC 和 10–55 V DC 三种；直流两线型为 10–60 V DC，交流两线型为 20–250 V AC，交直流型为 20–250 V AC/DC。

选电缆出线还是 M12 接头？

固定安装、直接接到接线盒时选 2 米电缆（156 个型号）；需要不拆线就能快速更换开关时选 M12 接头（146 个型号），另配 M12 连接线。

短型管长（K）是什么？

料号带 -K 的为短型管长，适合支架后方空间不足的安装位置。302 个型号中有 152 个为短型；各料号的外壳长度以尺寸图为准。

可以直接用西格门料号下单吗？

可以。每个 SGI-GP18U 料号对应一个固定配置。在型号表中点“询价”或在表单中填写料号，规格书和交期随报价确认。

西格门（深圳）工业发展有限公司

网址 www.segmensensor.com.cn · 邮箱 info@segmensensor.com · 电话 / 微信 138 2870 4591（张工）

<https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/m18-fei-qi-ping/>

本规格书由 <https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/m18-fei-qi-ping/> 页面内容生成（2026-10-18）。参数如有更新，以订货确认书为准。